

Bản án số: 239/2022/HS-PT
Ngày 23-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương

Ông Trương Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 227/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Lê Hồng Q. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 236/2022/HS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hồng Q sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: tổ 6, ấp Suối Cát 2, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng S và bà Nguyễn Thanh L; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2021 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Nh – Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô Nhung thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ngoài ra, còn có 02 người bị hại, 01 nguyên đơn dân sự và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hồng Q và bà Mai Thị Kiều L1 là vợ, chồng đăng ký kết hôn năm 2015 và có 02 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khoảng tháng 8 năm 2020, Lê Hồng Q đi lên tỉnh Đắk Nông làm ăn, bà L1 dẫn 02 con đến thành phố D, tỉnh Bình Dương kiếm việc làm và thuê nhà trọ tại địa chỉ số 493 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương sinh sống. Khoảng tháng 02/2021, bà L1 gặp ông Huỳnh Tân L2, sau một thời gian thì phát sinh tình cảm nên đã thuê trọ tại phòng số 01, địa chỉ số 493, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương chung sống với nhau như vợ chồng.

Sau thời gian bà L1 dẫn con đi, Q gọi điện thoại cho con gái và qua tìm hiểu, Lê Hồng Q biết được bà L1 quen ông L2 và đang sống chung với nhau tại nhà trọ số 493, khu phố Đ, phường D, thành phố D. Khoảng 23 giờ, ngày 25 tháng 3 năm 2021, Lê Hồng Q mượn xe mô tô của ông Huỳnh Chí T1 nói là đi công việc. Khi đi, Lê Hồng Q mang theo 01 dao bằng kim loại dài khoảng 20cm có cán vàng, 01 cây sắt dài 50cm đường kính 1,4cm, đi đến phòng trọ nơi ở của ông L2, bà L1. Khi đến phòng trọ của bà L1, Lê Hồng Q thấy xe ô tô hiệu DONGBEN biển số: 50LD-167.69 (do ông L2 chạy thuê cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn giao nhận vận chuyển nội địa – quốc tế Hong Thong) đang đậu bên kia đường trước dãy nhà trọ nên Lê Hồng Q xác định ông L2 đang ở trong phòng trọ cùng bà L1. Lúc này, Q gọi điện thoại cho chị gái là bà Lê Hồng T2 nói là “Con L1 đang ở phòng trọ cùng với thằng bồ của nó, giờ em vô bắt con về” thì T2 nói “thôi bỏ đi” nhưng Q không đồng ý nên bà T2 nói Q gửi định vị qua Zalo để bà T2 đến. Sau đó, Q gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Đặng X để nhờ X đến gọi cửa phòng trọ giúp Q để Q đón con về vì bà L1 nhận ra giọng nói của Q sẽ không mở cửa phòng. Theo chỉ dẫn của Q, khoảng 30 phút sau, ông Huỳnh Chí T1 chở bà T2 đến phòng trọ của bà L1. Ông X cũng đi xe máy một mình đến gặp Q đang đứng đợi sẵn ở trước cổng nhà trọ bà L1. Q chỉ phòng trọ của L1 cho ông X đi đến gõ cửa phòng xưng là Công an đến kiểm tra hành chính. Khoảng 05 phút sau, bà L1 mở cửa thì Q xông vào phòng. Q thấy ông L2 đang đi từ trong nhà vệ sinh ra, Q đi đến dùng cây sắt mang theo sẵn đánh một cái trúng vào đầu và một cái vào vai ông L2, ông L2 bỏ chạy ra ngoài. Q đuổi theo nhưng không kịp nên vứt bỏ cây sắt ở hành lang gần cổng dãy phòng trọ. Ông L2 được người dân đưa đến trung tâm y tế thành phố D băng vết thương. Q quay lại phòng trọ, thấy bà L1 đang ở trong phòng, Q đến dùng tay trái nắm cổ áo, tay phải cầm dao đe dọa bà L1. Bà T2 thấy vậy nên chạy vào can ngăn Q ra làm rơi dao xuống nền nhà. Q dùng hai tay ôm đầu bà L1 đập vào tường hai cái, tát vào mặt bà L1 hai cái, bà L1 vùng ra được bỏ chạy ra khỏi phòng trọ.

Lúc này, Lê Hồng Q đi bộ ra đường nhìn thấy xe ô tô biển số 50LD-167.69 nên Q nhặt cây sắt mà Q đã vứt ở hành lang gần cổng dãy phòng trọ, đập vỡ cửa kính bên trái, đập vỡ kính chiếu hậu bên trái rồi mở cửa xe lấy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 50LD-167.69, sổ bảo hành, sổ bảo hiểm, giấy kiểm định, giấy bảo hiểm, chìa khóa xe. Sau đó, Q đi bộ vào lại phòng trọ của bà L1, thấy chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A3S của bà L1 đang sạc pin cạnh cửa sổ và 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Pro 11 của ông L2, hồ sơ

giấy phép lái xe hạng C của ông L2 để trên kệ bếp. Q lấy 02 điện thoại và các giấy tờ trên bỏ vào ba lô. Sau khi lấy các tài sản, Q ném cây sắt, con dao ở trước dãy nhà trọ rồi lên xe máy chạy đi. Khi chạy xe ra ngoài, Q dùng xe lại tiếp tục nhặt cục đá bên lề đường đập, ném liên tiếp nhiều cái vào kính chắn gió phía trước, hông sau bên trái xe ô tô biển số: 50LD-167.69 gây hư hỏng. Thấy vậy, bà T2, ông T1, ông X chạy đến can ngăn nên Q dừng lại lên xe máy đi về nhà bà T2 tại khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 ông L2, bà L1 đến Công an phường D, tố giác hành vi của Lê Hồng Q và yêu cầu khởi tố Q về tội “Cố ý gây thương tích”.

Vật chứng thu giữ gồm:

- + 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 20cm, cán màu vàng;
- + 01 cây sắt phi 10 dài khoảng 50cm;
- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO Pro 11;
- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S;
- + 01 hồ sơ giấy phép lái xe hạng C mang tên Huỳnh Tấn L2;
- + 01 xe ô tô biển số 50LD-167.69 kèm theo chìa khóa xe, giấy đăng ký, đăng kiểm và giấy bảo hiểm xe.

* Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0473/TgT/2021 ngày 02/6/2021 của Trung tâm giám định pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai tại mục IV phần kết luận thể hiện tỷ lệ thương tích cơ thể của ông Huỳnh Tấn L2: Sẹo đỉnh trái kích thước 06 x 0,3cm. Tỷ lệ 02%. Vật gây thương tích: thương tích đầu: vật sắc hoặc vật tày có cạnh; chấn thương vai trái, cẳng tay trái: vật tày.

+ Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 131/KLĐG-HĐĐGTS ngày 18/7/2021 của hội đồng định giá tài sản thành phố D kết luận: điện thoại hiệu OPPO Pro 11 trị giá 6.000.000đồng; điện thoại OPPO A3S trị giá 4.000.000 đồng.

+ Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số: 132/KLĐG-HĐĐGTS ngày 18/7/2021 của hội đồng định giá tài sản thành phố D kết luận: chi phí thiệt hại thay thế sửa chữa hư hỏng của xe ô tô biển số 50LD-167.69 là: phần đồng, sơn là 3.000.000 đồng; phụ tùng thay thế bị thiệt hại trị giá: 3.950.000 đồng. Thuế VAT 10%. Tổng thiệt hại trị giá là 7.645.000 đồng.

Đối với bà Mai Thị Kiều L1 bị Lê Hồng Q dùng tay đập đầu vào tường, tát vào mặt nhưng không để lại thương tích, quá trình điều tra bà L1 không yêu cầu giám định thương tích. Đối với Lê Hồng T2, Huỳnh Chí T1 và Nguyễn Đăng X nghe theo Lê Hồng Q đến nhà trọ nơi bà L1 và ông L2 thuê ở nhằm mục đích đưa con của bị cáo Q về. Hành vi phạm tội của Lê Hồng Q là độc lập, không có sự bàn bạc từ trước với bà T2, ông T1 và ông X; việc chiếm đoạt tài sản của ông L2, bà L1 thì bà T2, ông T1 và ông X đứng bên ngoài phòng trọ nên

không nhìn thấy. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả xe ô tô hiệu DONGBEN biển số: 50LD-167.69, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 50LD-167.69, sổ bảo hành, sổ bảo hiểm, giấy kiểm định, giấy bảo hiểm, chìa khóa xe cho Công ty TNHH giao nhận vận chuyển nội địa – quốc tế Hong Thong. Trả lại cho Huỳnh Tấn L2 01 điện thoại di động hiệu OPPO Pro 11. Trả lại cho chị Mai Thị Kiều L1 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại ông Huỳnh Tấn L2 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi tố đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 236/2022/HS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D đã quyết định:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đình chỉ xét xử đối với bị cáo Lê Hồng Q về tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng Q phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, bị cáo Lê Hồng Q có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt vì tòa sơ thẩm xử quá nghiêm khắc, bị cáo không có ý định cướp 02 điện thoại.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét thay đổi tội danh “Cướp tài sản” sang tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” bị cáo đồng ý không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 25/3/2021, bị cáo Q có hành vi dùng cây tuýp sắt đánh bị hại L2 làm ông L2 bỏ chạy, tiếp theo bị cáo dùng dao đe dọa bị hại L1, sau đó bị cáo dùng tuýp sắt đập xe ô tô của bị hại L2. Sau khi ông L2 và bà L1 bỏ chạy khỏi phòng trọ, bị cáo chiếm đoạt 02 điện thoại của ông L2, bà L1. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị

cáo tội “Trộm cắp tài sản”. Xét kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại có phần lỗi, tài sản chiếm đoạt là 01 điện thoại di động của bị hại L1 trị giá 4.000.000 đồng trong khi bị hại L1 và bị cáo là vợ chồng chưa ly hôn nên tài sản của bị hại L1 là tài sản chung của vợ chồng chưa chia nên tòa sơ thẩm xác định tài sản riêng của bà L1 là không phù hợp. Vì vậy xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là điện thoại của bà L1 là 2.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “Cướp tài sản”, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày bài bào chữa: tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với tội “Cô ý làm hư hỏng tài sản”, người bào chữa thống nhất không ý kiến. Đối với tội “Cướp tài sản”, bị cáo có dùng vũ lực nhưng mục đích là đánh ghen, không có mục đích chiếm đoạt tài sản ngay tức khắc, sau 20 phút bị cáo đánh bị hại bỏ chạy bị cáo mới vào nhà trọ tìm giấy khai sinh cho con thì phát hiện 02 điện thoại lấy nhằm mục đích kiểm tra tin nhắn quan hệ bất chính của vợ bị cáo với ông L2, bị hại có phần lỗi, đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã trả lại tài sản cho bị hại và bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, gia đình bị cáo rất khó khăn, có hai con nhỏ đang đi học, cha bị cáo là ông Lê Hồng Sinh được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhì. Ngoài ra, bị cáo còn có ông nội, cậu ruột, chú ruột được tặng thưởng bằng khen, huân chương, Tổ quốc ghi công liệt sỹ Lê Văn Chôn, Nguyễn Văn Rôi, Nguyễn Văn Việt và Huân chương kháng chiến Hạng ba đối với ông Nguyễn Văn Rôi. Do đó, đề nghị Hội đồng xem xét chuyển tội danh từ tội “Cướp tài sản” chuyển sang tội “Trộm cắp tài sản” là tội có hình phạt nhẹ hơn.

Bị cáo thống nhất lời bào chữa của Luật sư, không ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Mai Thị Kiều L1 và bị cáo Lê Hồng Q kết hôn năm 2015 và có 02 con chung. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà L1 và bị cáo Q sống ly thân nhau. Sau khi bà L1 đến thành phố D sinh sống thì phát sinh tình cảm yêu đương với ông Huỳnh Tấn L2 nên đã thuê trọ tại phòng số 01, địa chỉ số 493 khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương chung sống với nhau như

vợ chồng. Biết được sự việc như trên, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 25/3/2021, bị cáo Lê Hồng Q đến phòng trọ của bà L1 và ông L2 sinh sống, bị cáo đã có hành vi dùng cây sắt phi 10 dài khoảng 50cm đánh vào vùng đầu, vai của ông Huỳnh Tấn L2 gây thương tích 2%. Sau khi ông L2 bỏ chạy, Q tiếp tục dùng dao đe dọa, dùng tay tát vào mặt bà Mai Thị Kiều L1, khi bà L1 chạy thoát ra khỏi phòng, Q dùng cây sắt đập vỡ cửa kính bên trái, đập vỡ kính chiếu hậu bên trái rồi mở cửa xe lấy Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 50LD-167.69, sổ bảo hành, sổ bảo hiểm, giấy kiểm định, giấy bảo hiểm, chìa khóa xe. Q tiếp tục đi về phòng trọ của bà L1 lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO Pro 11 trị giá 6.000.000 đồng của ông L2 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S, trị giá 4.000.000 đồng của bà L1 bỏ vào ba lô. Sau đó, Q tiếp tục dùng đá đập phá xe ô tô biển số 50LD-167.69. Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô là 7.645.000 đồng. Hành vi của Lê Hồng Q đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Về tội “Cướp tài sản”, bị cáo Q có hành vi dùng cây phi sắt là hung khí nguy hiểm đánh ông L2 làm ông L2 bị thương, hoảng sợ bỏ chạy khỏi phòng trọ, bị cáo còn dùng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa bà L1, dùng hai tay bóp cổ bà L1 đập đầu bà L1 vào tường làm bà L1 hoảng sợ phải ôm con chạy thoát. Sau khi ông L2 và bà L1 chạy thoát bị cáo đập phá xe ô tô rồi bị cáo quay lại phòng trọ lấy 02 điện thoại là tài sản của cá nhân ông L2, bà L1. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “*sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại ông Huỳnh Tấn L2 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi tố đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, đây là sự tự nguyện của bị hại nên Tòa sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố D xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Hồng Q thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, vì bị cáo không có mục đích chiếm đoạt 02 điện thoại của các bị hại. Bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang trực tiếp nuôi con nhỏ, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã đền bù thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có cha là ông Lê Hồng Sinh được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Ngoài ra, bị cáo còn có ông nội, cậu ruột, chú ruột được tặng thưởng bằng khen, huân chương Tổ quốc ghi công, liệt sỹ. Vụ việc xảy ra nguyên nhân một phần do hành vi vi phạm pháp luật của bị hại theo quy định các hành vi bị cấm tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với*

người đang có chồng, có vợ”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong đó, tài sản chiếm đoạt có 01 điện thoại di động của bị hại L1 trị giá 4.000.000 đồng, trong khi bị hại L1 và bị cáo là vợ chồng chưa ly hôn nên tài sản của bị hại L1 là tài sản chung của vợ chồng chưa chia nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản riêng của bà L1 là không phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy, có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội “Cướp tài sản”, kháng cáo của bị cáo là có cơ sở nên được chấp nhận. Sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, xét hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, bị hại có phần lỗi nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt giảm hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Hồng Q. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 236/2022/HS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Hồng Q về tội “Cướp tài sản”:

2. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng Q phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp chung hình phạt

buộc bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2021.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Hồng Q không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NMT, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Lê Quân Vương

Trương Văn Lộc

Nguyễn Huỳnh Đức

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NMT, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trương Văn Lộc**